

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-04-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Châu Nam Phú.

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Nguyễn Thanh Thuần.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Châu Kim Sol - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa:*** bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Neàng K, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Măng Rò, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Chau C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Măng Rò, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* ông Lục Tà D, cán bộ đài truyền thanh huyện Tịnh Biên, có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nèang K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian được người thân mai mối và bà và ông C tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý, quyết định đi đến hôn nhân trước năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Giáo trong năm 2008. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng phúc, sinh được ba đứa con chung.

Thời gian sau, chung sống không còn hạnh phúc do tính tình dần dần không hợp nhau nữa, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông C lén lút quen người phụ nữ khác, bà K đã nhiều lần khuyên nhưng ông C không chịu sửa đổi và bà K và ông C đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn nhưng không được nên từ tháng 06 năm 2020 ông C đã bỏ nhà ra đi sống với phụ nữ khác cho đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau đến nay.

Bà K nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, bà không thể kéo dài cuộc hôn nhân này được nên bà K xin được ly hôn với ông Chau C.

- Về con chung: bà K và ông C có với nhau ba đứa con chung tên Chau K1, sinh ngày 20/8/2000 (trưởng thành), Nèang S, sinh ngày 01/01/2002 (trưởng thành) và Nèang Sóc K2, sinh ngày 02/4/2006, hiện đang chung sống với bà K. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được nuôi dưỡng con chưa thành niên tên K2 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: không có.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Chau C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị Riêm có mặt, bị đơn ông Chau C vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/04/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn bà Nèang K vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn Chau C vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà K vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn ông C tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

*3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa bà K và ông C là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, bà K và ông C sống ly thân nhau từ tháng 6 tháng năm 2020 đến nay. Nhận thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông C không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình thể hiện qua việc ông C không tham các phiên hòa giải, thể hiện qua việc ông C không quan tâm đến việc bà K xin ly hôn. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà K xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: có ba đứa con chung tên Chau K1, sinh ngày 20/8/2000, Nèang S, sinh ngày 01/01/2002, tất cả trưởng thành nên không xem xét giải quyết; riêng con chung tên Nèang Sóc K2, sinh ngày 02/4/2006, hiện đang sống chung với bà K. Khi ly hôn, bà K xin quyền nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu K2. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên tên Nèang Sóc K2 cho bà Nèang K tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Chau C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà K không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung: bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

### **- Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nèang K (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn ông Chau C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa bà K và ông C được xác lập trước năm 2000, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã thay thế Luật hôn nhân và gia đình năm 1986) để giải quyết theo quy định tại Điều 109 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

### **- Về nội dung vụ án:**

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông C được xác lập trước năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông C có người phụ nữ khác và đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 đến nay.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”*.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà K và ông C đã không còn sống chung với nhau từ năm tháng 06 năm 2020 đến nay, do nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho

thấy tình trạng hôn nhân của bà K và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: có ba đứa con chung tên Chau K1, sinh ngày 20/8/2000, Nèang S, sinh ngày 01/01/2002, hai đứa con chung đã trưởng thành, có nghề nghiệp tự nuôi sống mình. Riêng đứa con chung tên Nèang Sóc K2, sinh ngày 02/4/2006 hiện đang chung sống với bà K; khi ly hôn bà K xin quyền nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu K2 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận, giao con chưa thành niên tên K2 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nèang K không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn ông Chau C không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng gì cho Tòa án nên không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Nèang K thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số (Khomer) sống tại vùng có K2 tế đặc biệt khó khăn (xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang) và đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nèang K
- Ông Chau C không phải bào án phí.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm d khoản a Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nèang K.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nèang K được ly hôn ông Chau C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 18 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao đứa con chưa thành niên tên Nèang Sóc K2, sinh ngày 02/4/2006 cho bà Nèang K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Chau C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nèang K cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp xin ly hôn đối với nguyên đơn bà Nèang K.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

**Châu Nam Phú**